TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: **04**/2021/LĐ-ST
Ngày 05 tháng 05 năm 2021
Tranh chấp về quyền lợi khi chấm dứt hợp đồng lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN H- THÀNH PHỐ Đ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
  - *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo
  - *Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Huỳnh Thanh Trà
    2. Ông Huỳnh Tiễn
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đ.
- ***Đại diện Viện kiểm sát*** *nhân dân quận H, thành phố Đ tham gia phiên tòa*: Bà Hà Thị Thu Hiếu, Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 02/2021/TLST-LĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 về "Tranh chấp về quyền lợi khi chấm dứt hợp đồng lao động" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-LĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021 ngày 12 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Công T**, sinh năm 1980. Trú tại: Số 42 đường C, phường H, quận C, thành phố Đ. (ông T có mặt tại phiên tòa)

- *Bị đơn*: **Công ty viễn thông T**. Địa chỉ: Số 280B đường L, quận T, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Võ Vương V- Giám đốc Chi nhánh Công ty viễn thông T tại thành phố Đ tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền số 03/2021/UQ-TGĐ ngày 26/01/2021 của ông Nguyễn Trường P- Tổng Giám đốc Công ty viễn thông T. (ông V vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 12 năm 2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Công T trình bày như sau:*

Ông Nguyễn Công T làm việc cho Công ty viễn thông T từ năm 2009 đến năm 2019 có ký hợp đồng lao động. Vào tháng 12 năm 2019, đại diện Công ty viễn thông T có vận động ông viết đơn xin nghỉ việc để san sẻ gánh nặng tài chính cho công ty tái cơ cấu lại nhân sự. Chia sẻ khó khăn cho công ty, ông đã viết đơn xin nghỉ việc để tạo điều kiện cho công ty thực hiện chiến lược phát triển mới. Vào ngày 23 tháng 12 năm 2019 đại diện nhân sự của Công ty nói lương tháng 11,12,13 năm 2019 sẽ được trả và chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông. Đến nay, thời hạn hứa trả tiền lương tháng 11,12,13 năm 2019 và chốt bảo hiểm xã hội vẫn không thấy. Ông đã gửi đơn đề nghị thanh toán tiền lương tháng 11,12,13 năm 2019 và chốt bảo hiểm xã hội đến Ban Giám

đốc Công ty viễn thông T, địa chỉ: Số 280B đường L, quận T, thành phố H bằng văn bản và email nhưng công ty không phúc đáp đơn trả lời cho ông.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty viễn thông T thanh toán tiền nợ lương các tháng 11, 12, 13 năm 2019 với số tiền là 38.900.000đ, trong đó lương tháng 11 và tháng 12 là: 13.800.000đ/tháng, lương tháng 13 là: 11.300.000đ/tháng và chốt sổ bảo hiểm xã hội đến hết ngày 31/12/2019 cho ông.

** Ông Võ Vương V là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng và tại bản tự khai ngày 01/02/2021 ông V đã trình bày như sau:*

Công ty G (thuộc Bộ C) có ký hợp đồng lao động với ông Nguyễn Công T nhưng do công ty đang thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ nên gặp khó khăn về tài chính nên còn nợ lương người lao động. Hiện nay, Công ty đã đóng bảo hiểm xã hội cho nhân viên đến tháng 11/2019, (trước đây là chốt được đến tháng 10/2019). Ban lãnh đạo Công ty sẽ ưu tiên dòng tiền để chi trả lương, bảo hiểm xã hội cho nhân viên. Công ty sẽ ưu tiên thực hiện các chế độ chính sách với người lao động khi có dòng tiền về từ các dự án kinh doanh và nhà đầu tư hoặc khi đề án tái cơ cấu hoàn thành. Thời gian dự kiến: Trong năm 2021.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông ghi nhận ý kiến trình bày trên tuy nhiên chưa xác nhận được còn nợ lương của ông T đến nay là bao nhiêu. Ông sẽ về báo lại ở bộ phận nhân sự để xem xét về số liệu cụ thể. Đồng thời, do công ty đang gặp khó khăn nên đề nghị ông T cho công ty có thêm thời gian để trả tiền nợ lương và sẽ sớm chốt sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Người lao động là ông Nguyễn Công T khởi kiện người sử dụng lao động là Công ty viễn thông T yêu cầu trả tiền lương và chốt sổ bảo hiểm xã hội khi chấm dứt hợp đồng lao động. Xét thấy đây là tranh chấp về quyền lợi khi chấm dứt hợp đồng lao động, các bên đã tiến hành hòa giải cơ sở, vụ án còn thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H nơi người lao động làm việc nên Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đ thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với điểm b, đ khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 190 của Bộ luật lao động năm 2019.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng tham gia phiên tòa cho bị đơn là Công ty viễn thông T. Tuy nhiên, phiên

tòa xét xử lần thứ 2 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về đánh giá chứng cứ: Nguyên đơn giao nộp cho Tòa án Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 18/QĐNV/NS-DN ngày 31/12/2019 (bản sao có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền); Sổ bảo hiểm xã hội (bản sao có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền) và Hợp đồng lao động số DNL0624/2013/HĐLĐ-GM ngày 02/11/2013 (bản photocopy) vì cho rằng họ không giữ bản chính của hợp đồng lao động. Tòa án tiến hành công khai chứng cứ, đại diện bị đơn không có ý kiến gì về chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Xét thấy, mặc dù Hợp đồng lao động số DNL0624/2013/HĐLĐ-GM ngày 02/11/2013 là bản photocopy nhưng phù hợp với các chứng cứ khác, bị đơn không phản đối nên Tòa án sử dụng bản photocopy Hợp đồng lao động số DNL0624/2013/HĐLĐ-GM ngày 02/11/2013 do ông T cung cấp để làm căn cứ giải quyết vụ án là phù hợp với khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công T thì thấy, ông Nguyễn Công T và Công ty viễn thông T có cùng nhau ký hợp đồng lao động số DNL0624/2013/HĐLĐ-GM ngày 02/11/2013 loại không xác định thời hạn theo đó, ông T được làm việc tại Văn phòng Đ, địa chỉ: 18 đường L, quận H thành phố Đ với chuyên môn là kỹ sư vận hành mạng lưới cao cấp, mức lương được tính theo chính sách lương của người sử dụng lao động với 13 tháng lương, hệ số lương cơ bản là 5,29, phương thức trả lương chuyển khoản, ngoài ra trong hợp đồng còn có các điều khoản và các thỏa thuận khác. Trong quá trình làm việc, theo ông T trình bày: để san sẻ gánh nặng tài chính, công ty tái cơ cấu tại nhân sự nên ông T đã có đơn xin thôi việc. Trên cơ sở đó, Công ty viễn thông T ra quyết định số 18/QĐNV/NS-DN ngày 31/12/2019 về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông Nguyễn Công T. Việc Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với ông T là phù hợp với khoản 3 Điều 36 của Bộ luật lao động năm 2012.

[4.1] Theo Bộ luật lao động năm 2012 tại Điều 47 quy định "*Trách nhiệm của người sử dụng lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động: 2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động, hai bên có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản có liên quan đến quyền lợi của mỗi bên; trường hợp đặc biệt, có thể kéo dài nhưng không được quá 30 ngày. 3. Người sử dụng lao động có trách nhiệm hoàn thành thủ tục xác nhận và trả lại sổ bảo hiểm xã hội và những giấy tờ khác mà người sử dụng lao động đã giữ lại của người lao động*". Như vậy, sau khi chấm dứt hợp đồng lao động, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày chấm dứt hợp đồng Công ty viễn thông T phải có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản có liên quan đến quyền lợi cho ông T, trường hợp đặc biệt có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày. Tuy nhiên, tính thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động với ông T từ ngày 01/01/2020 đến nay đã quá thời hạn theo quy định nhưng người sử dụng lao động là Công ty viễn thông T vẫn chưa thanh toán các khoản lương và chốt sổ bảo hiểm cho ông Nguyễn Công T là vi phạm Điều 47 của Bộ luật lao động năm 2012 và khoản 1 Điều 18 của Luật bảo hiểm xã hội.

[4.2] Theo ông Nguyễn Công T cung cấp, Công ty viễn thông T còn chưa thanh toán tiền lương trong năm 2019 cho ông tổng cộng là 38.900.000đ

(Ba mươi tám triệu, chín trăm ngàn đồng), trong đó: + Tiền nợ lương tháng 11 là: 13.800.000đ/tháng;

+ Tiền nợ lương tháng 12 là: 13.800.000đ/tháng;

+ Tiền nợ lương tháng 13 là: 11.300.000đ/tháng.

Tòa án đã thông báo cho Công ty viễn thông T được biết cụ thể số tiền lương ông T yêu cầu thanh toán nhưng Công ty chỉ xác nhận còn nợ, số liệu cụ thể bộ phận nhân sự sẽ xem xét. Tuy nhiên, đến ngày xét xử Công ty không phản hồi về số tiền nợ lương này. Trong khi đó, ông T cung cấp bảng sao kê tiền lương của mình được nhận thông qua tài khoản của Ngân hàng nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu đòi nợ lương của ông T, buộc Công ty viễn thông T phải thanh toán tiền nợ lương 03 (ba) tháng cho ông Nguyễn Công T tổng cộng là 38.900.000đ.

[4.3] Theo Luật bảo hiểm xã hội tại khoản 2 Điều 21 quy định "*Về trách nhiệm của người sử dụng lao động: Đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại điều 86 và hằng tháng trích tiền lương của người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 85 của Luật này để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội*" và tại Điều 88 có quy định: *"1. Tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất được quy định như sau: a) Trong trường hợp người sử dụng lao động gặp khó khăn phải tạm dừng sản xuất, kinh doanh dẫn đến việc người lao động và người sử dụng lao động không có khả năng đóng bảo hiểm xã hội thì được tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất trong thời gian không quá 12 tháng; b) Hết thời hạn tạm dừng đóng quy định tại điểm a khoản này, người sử dụng lao động và người lao động tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội và đóng bù cho thời gian tạm dừng đóng, số tiền đóng bù không phải tính lãi chậm đóng theo quy định tại khoản 3 Điều 122 của Luật này"*. Như vậy, trách nhiệm của Công ty viễn thông T là hằng tháng phải đóng bảo hiểm xã hội theo quy định cho người lao động, kể cả trong trường hợp doanh nghiệp có khó khăn về tài chính thì chỉ được tạm dừng đóng bảo hiểm cho người lao động trong thời hạn 12 tháng. Tuy nhiên, theo sổ bảo hiểm xã hội của ông Nguyễn Công T có mã số 0207250268 thể hiện: Tháng 11/2019-12/2019, Công ty viễn thông T chỉ mới đóng bảo hiểm thất nghiệp. Từ tháng 12/2019 đến nay, Công ty viễn thông T vẫn không đóng bù cho người lao động các loại quỹ bảo hiểm bắt buộc như quỹ ốm đau và thai sản; quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; quỹ hưu trí và tử tuất là vi phạm khoản 2 Điều 21, Điều 85, 86, 88 của Luật bảo hiểm xã hội và Điều 186 của Bộ luật lao động năm 2012.

[4.4] Thực tế, mức lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội và mức lương thực nhận không giống nhau. Theo sổ bảo hiểm xã hội của ông T, mức lương đóng bảo hiểm xã hội là của ông là 11.484.000đ. Tại Điều 3 của Hợp đồng lao động số DNL0624/2013/HĐLĐ-GM ngày 02/11/2013 có thỏa thuận về quyền lợi của người lao động "*Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp: người sử dụng lao động chịu trách nhiệm đóng thuế thu nhập cá nhân cho những khoản thu nhập chịu thuế của người lao động và nộp BHXH, BHYT và BHTN cho người lao động (bao gồm cả nghĩa vụ của người lao động) theo quy định của pháp luật*". Như vậy, theo thỏa thuận trong hợp đồng Công ty viễn thông T đóng bảo hiểm xã hội cả phần của người lao động nên cần buộc Công ty viễn thông T phải truy đóng bổ sung vào Bảo hiểm xã hội thành phố H cho ông T các khoản vào quỹ ốm đau và thai sản; quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; quỹ hưu trí và tử tuất từ tháng 11/2019-12/2019 bao

gồm cả phần của người lao động để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho ông Nguyễn Công T, theo mức đóng quy định tại Điều 13 của Nghị định 143/2018/NĐ-CP và Điều 5 của Quyết định 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 cụ thể như sau:

+ Quỹ ốm đau và thai sản:

11.484.000 x 02 tháng x 3% = 689.040đ

+ Quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp:

11.484.000 x 02 tháng x 0,5% = 114.840đ

+ Quỹ hưu trí và tử tuất:

11.484.000 x 02 tháng x 22% = 5.052.960đ

Tổng cộng: 5.856.840đ

[5] Về án phí: Về án phí, căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12; khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì thấy, do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí, người lao động được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên quyết định.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điểm b, đ khoản 1 Điều 40, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 190 của Bộ luật lao động năm 2019
- Khoản 3 Điều 36; Điều 47; Điều 186 của Bộ luật lao động năm 2012
- Khoản 1 Điều 18; khoản 2 Điều 21, Điều 85, 86, 88 của Luật bảo hiểm xã hội.
- Điều 13 của Nghị định 143/2018/NĐ-CP ngày 15/10/2018 và Điều 5 của Quyết định 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017
- Điểm a khoản 1 Điều 12; khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công T đối với Công ty viễn thông T.

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty viễn thông T phải thanh toán tiền lương cho ông Nguyễn Công T tổng cộng là 38.900.000đ (Ba mươi tám triệu, chín trăm ngàn đồng), trong đó:

+ Tiền lương tháng 11 là: 13.800.000đ/tháng
+ Tiền lương tháng 12 là: 13.800.000đ/tháng
+ Tiền lương tháng 13 là: 11.300.000đ/tháng.

2. Buộc Công ty viễn thông T phải đóng bổ sung cho Bảo hiểm xã hội thành phố H vào quỹ bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Công T từ tháng 11/2019 đến tháng 12/2019 các loại quỹ sau:

+ Quỹ ốm đau và thai sản:

11.484.000đ x 02 tháng x 3% = 689.040đ

+ Quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp:

11.484.000đ x 02 tháng x 0,5% = 114.840đ

+ Quỹ hưu trí và tử tuất:

11.484.000đ x 02 tháng x 22% = 5.052.960đ

Tổng cộng: 5.856.840đ (Năm triệu, tám trăm năm mươi sáu ngàn, tám trăm bốn mươi đồng).

Công ty viễn thông T còn phải chịu lãi suất do chậm đóng bảo hiểm xã hội cho cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố H với mức lãi suất theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội tương ứng với thời gian chậm đóng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty viễn thông T phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 1.342.705đ (Một triệu, ba trăm bốn mươi hai ngàn, bảy trăm lẻ năm đồng).

- Ông Nguyễn Công T được miễn nộp tiền án phí.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *BHXH TP H;*
- *VKSND quận H;*
- *Chi cục THA quận H.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo